

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Hà Nội - Tháng 3 năm 2017**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 34

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp 100% Vốn Nhà nước và được chuyển đổi ngày 27/12/2013 từ Công ty TNHH MTV Viện máy và Dụng cụ công nghiệp thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100128 ngày 09/8/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ hai (02) ngày 27/12/2013 về việc chuyển đổi doanh nghiệp sang hoạt động Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100128 ngày 27/12/2013 là: 65.000.000.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INDUSTRIAL MACHINERY AND INSTRUMENTS HOLDING JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng quản trị</b>	Ông Đỗ Văn Vũ	Chủ tịch
	Ông Trần Ngọc Hưng	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đức Minh	Ủy viên
	Ông Hoàng Việt Hồng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Đức Minh	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Việt Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**


**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



**Nguyễn Đức Minh**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Số: 155/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
của Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp, được lập ngày 06/3/2017, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề nhấn mạnh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập khác. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Văn bản số 349/BTC-TCĐN ngày 10/01/2017 của Bộ Tài chính về việc xử lý tài chính để quyết toán cổ phần hóa Viện IMI. Số liệu chi tiết được thuyết minh tại mục 6.2 Thông tin so sánh tại Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 20 tháng 03 năm 2016 có ý kiến ngoại trừ tiền thuê đất năm 2014 chưa hạch toán đủ, trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi và chưa thu thập được báo cáo các khoản đầu tư tài chính để thực hiện trích lập dự phòng. Kiểm toán viên năm nay đã xem xét và đánh giá vấn đề này và thấy rằng không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm hiện tại.



---

**Đình Văn Thắng****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

---

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>175.652.824.915</b>	<b>94.193.552.866</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>74.472.856.352</b>	<b>18.640.772.413</b>
1. Tiền	111		2.987.823.068	3.448.348.753
2. Các khoản tương đương tiền	112		71.485.033.284	15.192.423.660
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>25.000.000.000</b>	<b>-</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	25.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.909.636.858</b>	<b>39.561.380.409</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	29.206.365.861	38.350.668.766
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	21.547.109.412	3.579.556.025
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	838.931.390	909.155.618
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(13.682.769.805)	(3.278.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>38.012.312.116</b>	<b>35.955.356.016</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	38.012.312.116	35.955.356.016
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>258.019.589</b>	<b>36.044.028</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		258.019.589	36.044.028
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27.061.929.795</b>	<b>33.535.116.597</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.213.321.833</b>	<b>16.441.312.584</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	15.213.321.833	16.441.312.584
- Nguyên giá	222		61.981.899.298	60.653.887.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.768.577.465)	(44.212.574.538)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	5.8	1.802.104.441	1.802.104.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.802.104.441)	(1.802.104.441)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>11.446.335.654</b>	<b>16.522.117.985</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.500.000.000	6.340.900.250
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.523.100.895	2.523.100.895
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.723.234.759	7.658.116.840
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(300.000.000)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>402.272.308</b>	<b>571.686.028</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	402.272.308	571.686.028
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>202.714.754.710</b>	<b>127.728.669.463</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>118.115.450.935</b>	<b>88.351.342.347</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>111.280.103.969</b>	<b>87.690.089.381</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	35.005.804.833	50.206.871.395
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	36.806.370.440	7.244.567.860
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	33.368.800.369	22.582.470.579
4. Phải trả người lao động	314		3.413.283.000	2.298.671.343
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	69.586.358	89.908.290
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	2.943.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.556.756.969	1.610.032.914
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		402.160.000	614.567.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		657.342.000	100.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.835.346.966</b>	<b>661.252.966</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	-	263.906.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		6.835.346.966	397.346.966
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>84.599.303.775</b>	<b>39.377.327.116</b>
<b>(400 = 410+430)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>84.599.303.775</b>	<b>39.377.327.116</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		37.509.753.038	37.509.753.038
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		37.509.753.038	37.509.753.038
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.216.867.324	1.216.867.324
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.872.683.413	650.706.754
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		236.456.724	88.952.844
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		45.636.226.689	561.753.910
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>202.714.754.710</b>	<b>127.728.669.463</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Hoàng Thị Hồng Hạnh

Lê Thúy Hằng

Nguyễn Đức Minh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	82.693.220.397	123.273.030.330
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	82.693.220.397	123.273.030.330
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	73.562.154.038	111.679.567.119
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>9.131.066.359</b>	<b>11.593.463.211</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	85.113.539.229	1.047.653.769
7. Chi phí tài chính	22	5.21	1.360.691.253	362.245.310
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.706.205</i>	<i>35.814.996</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	402.160.000	658.807.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	36.162.348.251	10.975.322.442
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>56.319.406.084</b>	<b>644.742.228</b>
11. Thu nhập khác	31	5.23	1.755.575.453	44.662.000
12. Chi phí khác	32	5.23	2.070.099	154.673
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>1.753.505.354</b>	<b>44.507.327</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>58.072.911.438</b>	<b>689.249.555</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	11.592.818.749	127.495.645
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>46.480.092.689</b>	<b>561.753.910</b>

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



**Hoàng Thị Hồng Hạnh**

**Lê Thúy Hằng**

**Nguyễn Đức Minh**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	205.679.198.202	119.037.206.342
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(115.923.317.129)	(110.453.962.838)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.047.299.040)	(9.680.979.321)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(13.706.205)	(35.814.996)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(94.000.000)	(245.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.649.859.924	3.065.641.546
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.351.991.039)	(7.517.517.701)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>77.898.744.713</b>	<b>(5.830.426.968)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.389.185.540)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.600.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	600.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.138.868.490)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.506.730.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	599.708.812	606.363.720
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(21.282.746.728)</b>	<b>(532.504.770)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(365.405.730)	(166.655.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(375.097.030)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(740.502.760)</b>	<b>(166.655.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>55.875.495.225</b>	<b>(6.529.586.738)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>18.640.772.413</b>	<b>25.170.137.389</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(43.411.286)	221.762
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>74.472.856.352</b>	<b>18.640.772.413</b>

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Người lập



**Hoàng Thị Hồng Hạnh**

Kế toán trưởng



**Lê Thúy Hằng**

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Đức Minh**

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viện máy và Dụng cụ công nghiệp tiền thân là doanh nghiệp 100% Vốn Nhà nước và được chuyển đổi ngày 27/12/2013 từ Công ty TNHH MTV Viện máy và Dụng cụ công nghiệp thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100128 ngày 09/8/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ hai (02) ngày 27/12/2013 về việc chuyển đổi doanh nghiệp sang hoạt động Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100128 ngày 27/12/2013 là: 65.000.000.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INDUSTRIAL MACHINERY AND INSTRUMENTS HOLDING JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm: 110 người.

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về cơ điện tử, bao gồm: Cơ điện tử trong ngành máy công cụ; cơ điện tử lĩnh vực đo lường và tự động hóa; cơ điện tử trong ngành thiết bị xây dựng; cơ điện tử lĩnh vực thiết bị y tế; cơ điện tử trong ngành thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, thiết kế, chế tạo máy, thiết bị, dây chuyền công nghệ mới trong công nghiệp; Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng nông nghiệp);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ khoa học và công nghệ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn đấu thầu (không gồm tư vấn lựa chọn nhà thầu, xác định giá gói thầu); Tư vấn việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hóa học, dược học, công nghệ và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển: sản xuất các hệ thống và thiết bị tìm kiếm, thăm dò, định hướng, thiết bị dùng trong hàng không, hàng hải; các máy điều khiển và điều chỉnh ứng dụng tự động; các dụng cụ thiết bị đo lường, hiển thị, thu thanh, truyền tải và kiểm soát các thông số hoạt động công nghiệp như nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, độ bụi, độ cháy, dòng chảy, mức độ, độ dính, mật độ, axit, độ tập trung, sự luân phiên; công tơ, dụng cụ đo độ cháy và tính toán; dụng cụ đo và kiểm tra các tính chất điện năng và dấu hiệu điện tử; hệ thống dụng cụ và dụng cụ phân tích thí nghiệm thành phần hóa học và vật lý, độ đông đặc các mẫu vật liệu rắn, lỏng, khí và tổng hợp; máy đồng hồ và thời gian, công cụ kiểm tra và đo lường khác và các bộ phận của nó;

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất thiết bị điện khác; Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp; Sản xuất máy công cụ và máy tạ hình kim loại; Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da; Sản xuất máy chuyên dụng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu như: Các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Hoạt động đại lý bán hàng hường hoa hồng về các loại hàng hóa như: Nông lâm sản nguyên dạng, nguyên liệu dệt thô và bán thành phẩm, nhiên liệu, quặng, kim loại và hóa chất công nghiệp, phân bón; Lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá, thuốc láo; Gỗ xây dựng và nguyên vật liệu xây dựng; Máy móc, thiết bị, kể cả máy văn phòng, máy vi tính, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền; Giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đào tạo và sản xuất, kinh doanh, lắp đặt máy thiết bị công nghiệp.

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b>Công ty con</b>			
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	Sản xuất và kinh doanh chuyên giao sản phẩm công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp	100%	100%
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>			
Công ty Cổ phần 3B	Sản xuất và kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp	20%	20%

**Các đơn vị phụ thuộc hạch toán phụ thuộc**

Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp

Trung tâm chuyển giao công nghệ

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và Công ty sử dụng phần mềm Fast.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

###### Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

###### Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP công ty đang giao dịch tại ngày 31/12/2016.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP công ty đang giao dịch tại ngày 31/12/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

###### Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm 2016</b>
	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
  - Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Bảo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>315.860.244</b>	<b>235.348.801</b>
Trụ sở Viện	86.145.714	40.430.109
Trung tâm chuyên giao công nghệ	229.714.530	162.904.053
Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp	-	32.014.639
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>2.671.962.824</b>	<b>3.212.999.952</b>
<b>Tiền gửi VND</b>		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Đa	70.521.016	166.818.592
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	2.269.182.932	2.865.424.308
Ngân hàng TMCCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công	126.661.995	126.594.378
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long Công ty Chứng khoán An Bình	2.236.000	-
	1.078.627	2.154.521
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP HCM	1.144.849	6.097.899
Ngân hàng TMCP Đông Á - Phòng giao dịch Nguyễn Trãi	-	1.376.174
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN HCM	163.863.601	5.936.599
<b>Tiền gửi USD</b>		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Đa	10.001.711	9.926.841
Tiền gửi EUR		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Đa	27.272.093	28.670.640
<b>Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)</b>	<b>71.485.033.284</b>	<b>15.192.423.660</b>
<b>Tiền gửi VND</b>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Hà Nội	70.100.000.000	13.700.000.000
<b>Tiền EUR</b>		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Đa	1.385.033.284	1.492.423.660
<b>Tổng</b>	<b>74.472.856.352</b>	<b>18.640.772.413</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Ba Đình	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	-	-

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>29.206.365.861</b>	<b>38.350.668.766</b>
<b>Trụ sở Viện</b>	<b>21.982.034.128</b>	<b>27.200.437.374</b>
CN Công ty CP Dịch vụ ô tô Hàng Xanh tại HN	2.287.720.962	1.424.643.820
Cty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (Ban DA Ethanol)	4.682.059.000	4.682.059.000
Công ty Cổ phần xây dựng 47	982.745.000	3.440.251.000
Công ty TNHH Hương Hải Group	5.921.693.841	2.428.763.429
Công ty TNHH Mercedes - Ben Vietnam	-	5.984.437.675
Các khách hàng khác	8.107.815.325	9.240.282.450
<b>Trung tâm Chuyển giao Công nghệ</b>	<b>3.883.676.680</b>	<b>7.991.431.680</b>
CTCP Cavico Điện lực và Tài nguyên	1.696.000.000	1.696.000.000
CTCP Xây dựng Cẩm Phả	392.000.000	392.000.000
CTCP Đầu tư và Xây dựng 546	418.000.000	418.000.000
Công ty Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	-	1.020.000.000
Công ty TNHH WKK Việt Nam	-	3.237.300.000
Các khách hàng khác	1.377.676.680	1.228.131.680
<b>Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp</b>	<b>3.340.655.053</b>	<b>3.158.799.712</b>
Công ty cổ phần xây dựng Minh Anh	300.000.000	300.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam	335.357.863	335.357.863
Công ty TNHH giấy Xuân Mai	505.228.800	505.228.800
Công ty đầu tư và phát triển hạ tầng (IDI)	1.014.102.000	1.014.102.000
Các khách hàng khác	1.185.966.390	1.004.111.049
<b>Tổng</b>	<b>29.206.365.861</b>	<b>38.350.668.766</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>21.547.109.412</b>	<b>3.579.556.025</b>
<i>Trụ sở Viện</i>	<b>1.173.243.798</b>	<b>773.155.217</b>
Công ty CP TM và khai thác KS Dương Hiếu - Chi nhánh Hà Nội	183.501.860	85.206.320
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Môi trường EEC	-	340.060.832
Công ty TNHH An Phong	227.900.000	81.300.000
Công ty TNHH chế tạo máy và TBCN CIE2	144.563.496	-
Công ty TNHH Cơ khí Bắc Đô	236.500.000	-
Công ty TNHH NN 1TV Cơ khí Hà Nội	152.900.000	-
Công ty TNHH TMDV và kỹ thuật Đại Hải Thủy	181.643.000	181.643.000
Các đối tượng khác	46.235.442	84.945.065
<b>Trung tâm Chuyển giao Công nghệ</b>	<b>778.782.920</b>	<b>626.247.760</b>
Công ty CP cơ khí Phú Xuân	-	624.262.760
Công ty TNHH thiết bị máy Co-nele Qingdao	778.782.920	-
Các đối tượng khác	-	1.985.000
<b>Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp</b>	<b>19.595.082.694</b>	<b>2.180.153.048</b>
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao	17.790.486.766	-
Công ty TNHH cơ điện tử IMI	1.804.595.928	2.162.702.648
Công ty TNHH tự động hóa Công Nghệ Mới	-	17.450.400
<b>Tổng</b>	<b>21.547.109.412</b>	<b>3.579.556.025</b>

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>838.931.390</b>	-	<b>909.155.618</b>	-
<i>Trụ sở Viện</i>	<b>708.157.685</b>	-	<b>472.166.699</b>	-
- Tạm ứng	13.240.000	-	75.829.800	-
- Phải thu khác	694.917.685	-	396.336.899	-
Công ty CP Công nghệ cao	-	-	60.000.000	-
Công ty CP Cơ khí 1-5	143.259.572	-	143.259.572	-
Công ty CP phát triển kỹ thuật và đầu tư (ITD)	228.130.000	-	-	-
Công ty CP Công nghiệp môi trường EEC	-	-	28.561.976	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT VN - CN Hà Nội	107.695.556	-	21.369.863	-
Các đối tượng khác	215.832.557	-	143.145.488	-
<b>Trung tâm chuyển giao công nghệ</b>	<b>130.773.705</b>	-	<b>66.975.500</b>	-
- Tạm ứng	62.915.000	-	60.226.000	-
- Phải thu khác	67.858.705	-	6.749.500	-
<b>Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>370.013.419</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng	-	-	290.819.160	-
- Phải thu khác	-	-	79.194.259	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>838.931.390</b>	<b>-</b>	<b>909.155.618</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Trụ sở Viện</i>	<b>27.999.128.014</b>	-	<b>27.591.701.669</b>	-
Nguyên liệu, vật liệu	179.624.441	-	953.080.441	-
Chi phí SX KDDD	27.819.503.573	-	26.638.621.228	-
<i>Trung tâm chuyển giao công nghệ</i>	<b>6.137.156.271</b>	-	<b>6.213.478.654</b>	-
Nguyên liệu, vật liệu	338.539.336	-	133.999.927	-
Chi phí SX KDDD	5.798.616.935	-	6.079.478.727	-
<i>Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp</i>	<b>3.876.027.831</b>	-	<b>2.150.175.693</b>	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Chi phí SX KDDD	3.876.027.831	-	2.150.175.693	-
<b>Tổng</b>	<b>38.012.312.116</b>	-	<b>35.955.356.016</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

MÃU B 09-DN

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Máy móc thiết bị phòng thí nghiệm	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2016	33.903.735.229	438.448.150	1.468.845.213	360.341.634	24.482.516.896	60.653.887.122
Tăng trong năm	254.918.540	-	1.073.093.636	-	-	1.328.012.176
Mua trong năm	-	-	1.073.093.636	-	-	1.073.093.636
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	222.878.540	-	-	-	-	222.878.540
Phân loại lại	32.040.000	-	-	-	-	32.040.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	34.158.653.769	438.448.150	2.541.938.849	360.341.634	24.482.516.896	61.981.899.298
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2016	24.959.782.522	399.665.179	507.757.131	330.771.878	18.014.597.828	44.212.574.538
Tăng trong năm	548.623.431	12.927.660	294.166.905	29.569.756	1.670.715.175	2.556.002.927
Khấu hao trong năm	516.583.431	12.927.660	294.166.905	29.569.756	1.670.715.175	2.523.962.927
Phân loại lại	32.040.000	-	-	-	-	32.040.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	25.508.405.953	412.592.839	801.924.036	360.341.634	19.685.313.003	46.768.577.465
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2016	8.943.952.707	38.782.971	961.088.082	29.569.756	6.467.919.068	16.441.312.584
Tại 31/12/2016	8.650.247.816	25.855.311	1.740.014.813	-	4.797.203.893	15.213.321.833

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 979.043.056

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.8 Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm tinh học	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2016	1.802.104.441	1.802.104.441
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>1.802.104.441</u>	<u>1.802.104.441</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2016	1.802.104.441	1.802.104.441
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>1.802.104.441</u>	<u>1.802.104.441</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2016	-	-
Tại 31/12/2016	<u>-</u>	<u>-</u>

**5.9 Chi phí trả trước**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	402.272.308	571.686.028
Chi phí công cụ, dụng cụ	402.272.308	571.686.028
<b>Tổng</b>	<u>402.272.308</u>	<u>571.686.028</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.10 Các khoản đầu tư dài hạn**

MẪU B 09-DN  
Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		01/01/2016			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>						
- Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	100%	100%	2.500.000.000	2.500.000.000	-	6.340.900.250
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư			-	-	-	3.840.900.250
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>						
- Công ty Cổ phần 3B	20%	20%	2.523.100.895	2.223.100.895	(300.000.000)	2.523.100.895
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
- Công ty CP Thương mại Kim Hoa			6.723.234.759	6.723.234.759	-	7.658.116.840
- Công ty CP Ứng dụng và Phát triển công nghệ Chip			555.981.402	555.981.402	-	555.981.402
- Công ty CP Đầu tư và Tư vấn xây dựng IMI			-	-	-	40.086.279
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị công nghiệp (CIE)			26.729.099	26.729.099	-	26.729.099
- Công ty CP Huyền thoại bia IMI			1.608.265.622	1.608.265.622	-	1.608.265.622
- Công ty CP Công nghệ Cao			-	-	-	663.610.500
- Công ty CP Hệ thống quốc tế IMI			666.214.366	666.214.366	-	666.214.366
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư			25.144.020	25.144.020	-	25.144.020
			3.840.900.250	3.840.900.250	-	-
<b>Tổng</b>			<b>11.746.335.654</b>	<b>11.446.335.654</b>	<b>(300.000.000)</b>	<b>16.522.117.985</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.11 Phải trả người bán***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>35.005.804.833</b>	<b>35.005.804.833</b>	<b>50.206.871.395</b>	<b>50.206.871.395</b>
<i>Trụ sở Viện</i>	<i>31.565.115.883</i>	<i>31.565.115.883</i>	<i>39.510.522.236</i>	<i>39.510.522.236</i>
BKK Cooling and Engineering Co. Ltd.	4.702.140.000	4.702.140.000	4.679.304.000	4.679.304.000
Cty CP Xây dựng và TB công nghiệp CIE1	4.653.339.350	4.653.339.350	4.636.189.350	4.636.189.350
Cty TNHH ITV Cao su 75 (NM cao su 75)	6.992.916.200	6.992.916.200	7.992.916.200	7.992.916.200
Công ty CP TM Kỹ thuật Hải Anh	3.559.348.300	3.559.348.300	4.529.158.300	4.529.158.300
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và TBCN CIE	5.139.179.465	5.139.179.465	5.174.220.465	5.174.220.465
Các đối tượng khác	6.518.192.568	6.518.192.568	12.498.733.921	12.498.733.921
<i>Trung tâm chuyển giao công nghệ</i>	<i>2.867.781.950</i>	<i>2.867.781.950</i>	<i>6.921.728.925</i>	<i>6.921.728.925</i>
Công ty CP xây dựng và thiết bị công nghiệp CIE1	2.342.081.250	2.342.081.250	4.843.608.475	4.843.608.475
Công ty Cổ Phần Công nghệ cao	-	-	1.245.000.000	1.245.000.000
Các đối tượng khác	525.700.700	525.700.700	833.120.450	833.120.450
<i>Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp</i>	<i>572.907.000</i>	<i>572.907.000</i>	<i>3.774.620.234</i>	<i>3.774.620.234</i>
Chi nhánh Tây Nguyên - Tổng công ty xây dựng Thủy Lợi 4 - CTCP	200.000.000	200.000.000	1.370.000.000	1.370.000.000
Công ty CP tập đoàn xây dựng và thiết bị công nghiệp	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao	-	-	1.973.713.234	1.973.713.234
Các đối tượng khác	72.907.000	72.907.000	130.907.000	130.907.000
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>35.005.804.833</b>	<b>35.005.804.833</b>	<b>50.206.871.395</b>	<b>50.206.871.395</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.12 Người mua ứng tiền trước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>36.806.370.440</b>	<b>7.244.567.860</b>
<i>Trụ sở Viện</i>	<i>4.707.631.550</i>	<i>3.298.479.050</i>
Công ty CP chế tạo thiết bị và máy biến áp HN	500.000.000	500.000.000
Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	-	436.000.000
Công ty CP vật liệu chịu lửa Thái Nguyên	630.454.700	630.454.700
Công ty CP Đầu tư và xây dựng số 18.1	1.232.000.000	-
Công ty Cổ phần 3B	-	333.550.000
Công ty TNHH NITTA - Sông Đáy	558.552.500	-
Công ty TNHH TM&SX vật liệu xây dựng Đức Mạnh	500.000.000	-
Các khách hàng khác	1.286.624.350	1.398.474.350
<b>Trung tâm Chuyển giao Công nghệ</b>	<b>6.589.850.000</b>	<b>1.755.200.000</b>
Công ty CP bê tông và xây dựng Quốc An	3.610.000.000	-
Công ty CP Cơ điện môi trường LILAMA	-	1.039.200.000
Công ty Cổ Phần Công nghệ cao	-	324.000.000
Công ty TNHH NITTA -Sông Đáy	943.350.000	-
Các khách hàng khác	2.036.500.000	392.000.000
<b>Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp</b>	<b>25.508.888.890</b>	<b>2.190.888.810</b>
Công ty TNHH tập đoàn Sơn Hải	19.400.000.000	-
Công ty cổ phần bê tông FICO PAN-UNITED	1.667.200.000	-
Công ty cổ phần tập đoàn Trường Thịnh	2.080.000.000	-
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	2.090.000.000	-
Công ty TNHH một thành viên 756	271.688.890	271.688.890
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	-	1.919.199.920
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>36.806.370.440</b>	<b>7.244.567.860</b>

**5.13 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
<b>Phải nộp</b>	<b>22.582.470.579</b>	<b>27.724.661.857</b>	<b>16.938.332.067</b>	<b>33.368.800.369</b>
Thuế giá trị gia tăng	841.421.183	2.859.835.736	3.603.529.648	97.727.271
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế XNK	-	276.409.379	276.409.379	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.619.037	11.592.818.749	94.000.000	11.541.437.786
Thuế thu nhập cá nhân	9.241.307	100.146.675	101.957.332	7.430.650
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	21.476.589.052	12.771.491.318	12.738.475.708	21.509.604.662
Các loại thuế khác	212.600.000	123.960.000	123.960.000	212.600.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>69.586.358</b>	<b>89.908.290</b>
Chi phí phải trả khác	69.586.358	89.908.290
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>69.586.358</b>	<b>89.908.290</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.556.756.969</b>	<b>1.610.032.914</b>
Bảo hiểm xã hội	-	24.863.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.556.756.969	1.585.169.914
<b>Trụ sở Viện</b>	<b>1.431.535.631</b>	<b>1.380.840.184</b>
<i>Trung tâm Cơ khí chính xác và máy CNC</i>	<i>325.817.134</i>	<i>110.632.151</i>
<i>Trung tâm thiết bị công nghiệp</i>	<i>391.965.123</i>	<i>398.293.460</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>713.753.374</i>	<i>871.914.573</i>
<b>Trung tâm Chuyển giao Công nghệ</b>	<b>125.221.338</b>	<b>101.110.000</b>
<i>Trung tâm Vật liệu xây dựng</i>	<i>80.000.000</i>	<i>80.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>45.221.338</i>	<i>21.110.000</i>
<b>Phân viện máy và dụng cụ công nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>103.219.730</b>
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>1.556.756.969</b>	<b>1.610.032.914</b>

**5.16 Vay và nợ tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Số có khả		Tăng	Giảm	Số có khả	
	Giá trị	năng trả nợ			Giá trị	năng trả nợ
Vay dài hạn	-	-	-	263.906.000	263.906.000	263.906.000
Vay các cá nhân	-	-	-	263.906.000	263.906.000	263.906.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>263.906.000</b>	<b>263.906.000</b>	<b>263.906.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

## 5.17 Vốn chủ sở hữu

## a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	53.788.203.936	1.216.867.324	260.668.588	55.265.739.848
Lãi trong năm	-	-	561.753.910	561.753.910
Giảm khác	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Giảm vốn điều chỉnh hỏi tổ theo Văn bản của Bộ tài chính	(16.278.450.898)	-	-	(16.278.450.898)
Giảm khác	-	-	(71.715.744)	(71.715.744)
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>37.509.753.038</b>	<b>1.216.867.324</b>	<b>650.706.754</b>	<b>39.377.327.116</b>
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>37.509.753.038</b>	<b>1.216.867.324</b>	<b>650.706.754</b>	<b>39.377.327.116</b>
Lãi trong năm nay	-	-	46.480.092.689	46.480.092.689
Trích lập các quỹ	-	-	(39.042.000)	(39.042.000)
Chia trả cổ tức	-	-	(375.097.030)	(375.097.030)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thường Ban điều hành (Lợi nhuận 2016)	-	-	(843.866.000)	(843.866.000)
Giảm khác	-	-	(111.000)	(111.000)
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>37.509.753.038</b>	<b>1.216.867.324</b>	<b>45.872.683.413</b>	<b>84.599.303.775</b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09-DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn Nhà nước	21.255.903.038	21.255.903.038
Vốn góp của các cổ đông có tư cách pháp nhân	13.757.850.000	13.757.850.000
Vốn góp của các cá nhân khác	2.496.000.000	2.496.000.000
<b>Tổng</b>	<b>37.509.753.038</b>	<b>37.509.753.038</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	37.509.753.038	53.788.203.936
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	16.278.450.898
Vốn góp tại cuối năm	37.509.753.038	37.509.753.038
Cổ tức đã chia	375.097.030	-
Phân phối các quỹ	882.908.000	-

**d. Cổ tức**

	<b>VND/cổ phiếu</b>
<b>Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:</b>	
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	Chưa công bố

**e. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>3.750.975</b>	<b>3.750.975</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>3.750.975</b>	<b>3.750.975</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.750.975	3.750.975
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.750.975</b>	<b>3.750.975</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.750.975	3.750.975
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	72.644.367.760	112.554.189.371
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.048.852.637	10.718.840.959
<b>Tổng</b>	<b>82.693.220.397</b>	<b>123.273.030.330</b>

**5.19 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng	66.403.028.285	104.668.311.759
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.159.125.753	7.011.255.360
<b>Tổng</b>	<b>73.562.154.038</b>	<b>111.679.567.119</b>

**5.20 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	755.506.129	622.889.829
Lãi bán các khoản đầu tư	84.057.334.500	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	298.959.000	280.823.800
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.739.600	5.959.312
Xử lý cổ phần hóa	-	137.980.828
<b>Tổng</b>	<b>85.113.539.229</b>	<b>1.047.653.769</b>

**5.21 Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	13.706.205	35.814.996
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	10.965.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	138.741.781	314.764.742
Chi phí chuyển nhượng khoản đầu tư	1.208.243.267	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	700.572
<b>Tổng</b>	<b>1.360.691.253</b>	<b>362.245.310</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.22 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>402.160.000</b>	<b>658.807.000</b>
Chi phí bảo hành	402.160.000	618.807.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	40.000.000
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>36.162.348.251</b>	<b>10.975.322.442</b>
Chi phí nhân viên quản lý	7.063.339.945	5.321.315.246
Chi phí vật liệu quản lý	4.032.000	65.816.635
Chi phí đồ dùng văn phòng	445.056.589	510.352.715
Chi phí khấu hao TSCĐ	860.098.040	664.503.116
Thuế phí và lệ phí	8.776.720	13.194.902
Chi phí dự phòng	10.404.769.805	1.450.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.199.517.331	1.819.181.684
Chi phí bằng tiền khác	723.757.821	484.375.144
Chi phí trích quỹ khoa học công nghệ	6.453.000.000	76.583.000
Trích quỹ lương dự phòng	2.000.000.000	570.000.000
<b>Tổng</b>	<b>36.564.508.251</b>	<b>11.634.129.442</b>

**5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	10.380.953	44.662.000
Thu nhập vi phạm đặt cọc	1.745.194.500	-
<b>Tổng</b>	<b>1.755.575.453</b>	<b>44.662.000</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	2.070.099	154.673
<b>Tổng</b>	<b>2.070.099</b>	<b>154.673</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>1.753.505.354</b>	<b>44.507.327</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>58.072.911.438</b>	<b>689.249.555</b>
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	190.141.309	171.099.906
<i>Thù lao HĐQT không trực tiếp</i>	51.456.000	52.675.000
<i>Trích lập dự phòng không đủ hồ sơ</i>	50.000.000	-
<i>Chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ</i>	45.915.309	63.779.906
<i>Chi phí khác không được trừ</i>	40.700.000	54.645.000
<i>Phạt chậm nộp thuế</i>	2.070.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	298.959.000	280.823.800
<i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	298.959.000	280.823.800
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>57.964.093.747</b>	<b>579.525.661</b>
Thuế TNDN phải nộp (Năm 2015: 22%; Năm 2016: 20%)	11.592.818.749	127.495.645
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>11.592.818.749</b>	<b>127.495.645</b>

**5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.809.818.277	110.617.346.764
Chi phí nhân công	11.435.881.692	11.615.234.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.523.962.927	2.381.001.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.568.986.073	11.731.421.295
Chi phí khác bằng tiền	2.080.459.672	3.889.897.663
Chi phí dự phòng	10.404.769.805	1.450.000.000
Chi phí trích quỹ khoa học công nghệ	6.453.000.000	76.583.000
Trích quỹ lương dự phòng	2.000.000.000	570.000.000
<b>Tổng</b>	<b>117.276.878.446</b>	<b>142.331.484.684</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Thông tin về các bên liên quan**

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
HĐQT và BKS	Thù lao	273.780.000	277.850.000
Ban Giám đốc	Thu nhập	1.517.861.500	1.321.463.575

**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận từng phần. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Văn bản số 349/BTC-TCĐN ngày 10/01/2017 của Bộ Tài chính về việc xử lý tài chính để quyết toán cổ phần hóa Viện IMI, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/01/2016 VND	Số dư tại 31/12/2015 VND	Chênh lệch VND
Phải thu khách hàng	38.350.668.766	40.669.369.780	(2.318.701.014)
<b>Cộng thay đổi Tài sản</b>			<b>(2.318.701.014)</b>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22.582.470.579	8.622.720.695	13.959.749.884
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	37.509.753.038	53.788.203.936	(16.278.450.898)
<b>Cộng thay đổi Nguồn vốn</b>			<b>(2.318.701.014)</b>

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Hồng Hạnh



Lê Thúy Hằng



Nguyễn Đức Minh